TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 29/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 28 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 549/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Th, sinh năm: 1960.
- *Bị đơn*: Ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1962.

Cùng địa chỉ: ấp BH, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị Th với ông Đoàn Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị Th và ông Đoàn Văn L tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Trương Thị Th và ông Đoàn Văn L thống nhất xác định có 04 (Bốn) người con chung gồm Đoàn Chí T1 - sinh ngày 20/7/1982; Đoàn Chí P - sinh năm 1984; Đoàn Trúc K - sinh ngày 27/9/1986 và Đoàn Minh T2 - sinh năm 1991, đều đã thành niên, nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà Trương Thị Th và ông Đoàn Văn L thống nhất xác định tự thỏa thuận, chưa đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Trương Thị Th và ông Đoàn Văn L thống nhất xác định có các khoản nợ chung gồm:

+ Nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng Giao dịch huyện C số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng);

+ Nợ của bà Võ Thị U, sinh năm 1952; ở ấp BH, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 2.000.000 đ (Hai triệu đồng);

+ Nợ của ông Trần Văn Q, sinh năm 1984; ở ấp BH, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 21.000.000 đ (Hai mươi mốt triệu đồng).

Tuy nhiên, bà Th, ông L thống nhất xác định tự thỏa thuận giải quyết với Ngân hàng và bà U, ông Q; Đồng thời Tòa án có nhận được văn bản đề ngày 18/02/2019 của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Trà Vinh - Phòng Giao dịch huyện C, văn bản đề ngày 12/02/2019 của bà Võ Thị U, văn bản đề ngày 20/02/2019 của ông Trần Văn Q về việc không khởi kiện yêu cầu thu hồi nợ vay đối với bà Th, ông L trong cùng vụ án. Nên Tòa án không có cơ sở xem xét giải quyết về nợ chung; Các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ án khác nếu có tranh chấp yêu cầu. Bà Th tự nguyện rút lại phần yêu cầu giải quyết nợ chung khi ly hôn, nên Tòa án đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Trương Thị Th tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số AA/2015/0018648 ngày 20 tháng 12 năm 2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho bà Th 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

Ông Đoàn Văn L không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Thảo